ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108 /TTr-UBND	*Bình Phước, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Dự thảo về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng12 năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều chủa Luật Quy hoạch;

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo "Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng12 năm 2021" với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Đối với danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, có một số dự án mới phát sinh sau khi Nghị quyết được thông qua, do đó để có cơ sở thực hiện các dự án mới phát sinh này trong năm 2022 cần phải trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định tại Điều 21, 45, 52, 58 Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

2. Mục đích của việc xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết được ban hành là cơ sở pháp lý để UBND tỉnh cho phép thực hiện các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022; là căn cứ thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh. Hiện nay, có một số dự án mới phát sinh sau khi Nghị quyết được thông qua. Vì vậy, để có cơ sở pháp lý thực hiện các dự án này, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh và tham mưu trình tự thực hiện.

Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 408/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/3/2022 đề nghị các Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đăng ký bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất đất năm 2022. Trên cơ sở đăng ký của các đơn vị, Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến lần 02 các đơn vị nêu trên tại Công văn số 901/STNMT-CCQLĐĐ ngày 23/5/2022. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 906/STNMT-CCQLĐĐ ngày 20/5/2022 lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Sau khi, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 102/BC-STP ngày 24/5/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, ý

kiến của các đơn vị và soạn thảo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh để tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

4. Bố cục và nội dung chính của Nghị quyết:

a) Bố cục:

Nghị quyết gồm 2 Điều và biểu chi tiết về danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng12 năm 2021.

b) Nội dung chính:

- Thông qua danh mục bổ sung mới 124 dự án cần thu hồi đất năm 2022 với tổng diện tích 2.505,88 ha và điều chỉnh tên, diện tích 12 danh mục đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

- Thông qua 15 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất và đất lúa năm 2022 với diện tích 148,07ha trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng12 năm 2021, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2022, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Ban HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 108 /TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án/Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Loại đất CMĐ	Sử dụng sang loại đất	Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	**Huyện Bù Đăng**	**1,00**					
1	Bãi rác Đăng Hà	1,00	LUK	DRA	Đăng Hà	Thông báo số 53/TB-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện Bù Đăng	
II	**Huyện Đồng Phú**	**59,89**					
1	Xây dựng tuyến kết nói 753 B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	7,69	RSX	DGT	Tân Phước, Đồng Tâm	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	
2	Xây dựng đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT 755 nối ĐT 753	3,20	RSX	DGT	Tân Phước	Quyết định 1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	
3	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	49,00	RSX	CQP	Tân Hòa	Quyết định số 2369/QĐ-BTL ngày 08/10/2018 của Bộ Quốc Phòng, Bộ tư lệnh Quân khu 7	
III	**Huyện Hớn Quản**	**16,73**					
1	Mở rộng để định hình lộ giới 52 m cho công trình đường Trục chính từ Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	1,80	LUK	DGT	Phước An, Tân Quan	Kết luận số 276-KL/HU ngày 10/01/2022 của Huyện ủy Hớn Quản	
2	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	0,67	LUK	DGT	Minh Đức	Công văn số 172/BQLDA-KTTĐ ngày 10/3/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
		10,76	RSX	DGT	Minh Đức	Công văn số 172/BQLDA-KTTĐ ngày 10/3/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	3,50	RSX	DTL	Đồng Nơ	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	
IV	**Huyện Lộc Ninh**	**70,45**					
1	Đường vào điểm X16	15,00	RSX	DGT	Lộc Tấn	Công văn số 38A/HĐND ngày 08/02/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất c32 cũ	3,83	RSX	CQP	Lộc Tấn	Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
3	Bãi đáp trực thăng	2,00	RSX		Lộc Tấn	Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
4	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	35,23	RSX	DGT	Lộc Thịnh, Lộc Thiện, Lộc Tấn	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	
5	Lối mở Lộc Tấn - Tuần Lung	2,00	RSX		Lộc Tấn	Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
6	Chốt dân quân biên giới Lộc Thịnh	5,00	RSX	CQP	Lộc Thịnh	Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
7	Chốt dân quân biên giới Lộc Thành	5,00	RSX	CQP	Lộc Thành	Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
8	Nâng cấp, mở rộng QL13 đoạn từ ngã 3 Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	2,39	LUK	DGT	Lộc Hòa, Lộc Thạnh	Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	
Tổng		**148,07**					

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN, DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2021/NQ-HĐND NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 108 /TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

Tại Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh đã phê duyệt:

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)		
I	**Thành phố Đồng Xoài**									
1	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (đoạn từ ĐH 507 đến giáp ranh huyện Đồng Phú khoảng 1km và đoạn từ đường Vành đai (quy hoạch) của thành phố Đồng Xoài đến đường quy hoạch số 30 (ranh quy hoạch Công viên Trung tâm): dài 652,93m; từ đường số 12 của quy hoạch Công viên Trung tâm đến QL14: dài 213,68m)	15,16	CLN+ ODT	Tân Bình Tiến Hưng	53.060	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Đường quy hoạch số 16	6,98	CLN và các loại Đất khác	Tân Thiện	24.430		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Đường quy hoạch số 11	6,75	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng	23.625		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

4	Đường Trường Chinh (Đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	1,98	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	6.930		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
5	Tuyến đường từ Khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến đường đi Bình Dương	3,20	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	11.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại KDC phía Bắc tỉnh lỵ	1,00	CLN + ODT và các loại Đất khác	Tân Phú	2.500	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
7	Xây dựng tuyến đường Vành đai suối Cam 1-2, kết nối Quốc lộ 14	51,68	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Tân Phú, Tiến Thành	100.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
8	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	0,31	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng Tiến Thành	1.085	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
9	Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II tại ấp Bưng Sê, Tân Thành	5,50	CLN và các loại Đất khác	Tân Thành	19.250		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31,10	CLN và các loại đất khác	Tân Thiện	93.300			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
11	Khu trụ sở cơ quan và dân cư phía Bắc phường Tân Phú	29,47	CLN	Tân Phú		x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
II	**Huyện Đồng Phú**									
1	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lợi (Tuyến 5)	2,10	ODT + CLN	Tân Lập	6.277		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

Nay điều chỉnh thành:

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)		
I	**Thành phố Đồng Xoài**									
1	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (đoạn từ ĐH 507 đến giáp ranh huyện Đồng Phú khoảng 1km và đoạn từ đường Vành đai (quy hoạch) của thành phố Đồng Xoài đến đường quy hoạch số 30 (ranh quy hoạch Công viên Trung tâm): dài 652,93m; từ đường số 12 của quy hoạch Công viên Trung tâm đến QL14: dài 213,68m)	6,10	CLN+ ODT	Tân Bình Tiến Hưng	53.060	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Đường quy hoạch số 16	2,00	CLN và các loại Đất khác	Tân Thiện	24.430		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Đường quy hoạch số 11	1,00	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng	23.625		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
4	Đường Trường Chinh (Đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2,10	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	6.930		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
5	Tuyến đường từ Khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến đường đi Bình Dương	4,38	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	11.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại KDC phía Bắc tỉnh lỵ	2,20	CLN + ODT và các loại Đất khác	Tân Phú	2.500	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
7	Xây dựng tuyến đường Vành đai suối Cam 1-2, kết nối Quốc lộ 14	51,68	ONT + CLN + và các loại Đất khác	Tân Thành, Tiến Thành	100.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
8	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	1,30	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng Tiến Thành	1.085	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
9	Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II tại ấp Bưng Sê, Tân Thành	15,00	CLN và các loại Đất khác	Tân Thành	19.250		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31,50	CLN và các loại đất khác	Tân Thiện	93.300			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
11	Khu trụ sở cơ quan và dân cư phía Bắc phường Tân Phú	20,25	CLN	Tân Phú		x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
II	**Huyện Đồng Phú**									
1	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	8,40	ODT + CLN	Tân Lập	6.277		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 108 /TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
I	**Huyện Bù Đăng**	**79,59**								
1	Đường liên thôn khu 23 Bom Bo dài 2 km	3,60	CLN	Bom Bo	4.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
2	Xây dựng các tuyến đường THHC Đức Liễu (14km)	25,20	CLN	Đức Liễu	50.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
3	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường Đức Liễu	5,00	CLN	Đức Liễu	45.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
4	Đường thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC Thống Nhất (2,7km)	4,86	CLN	Thống Nhất	6.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
5	Đường thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, Thống Nhất (7 km)	12,60	CLN	Thống Nhất	14.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
6	Đường BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), Đường 10	10,80	CLN	Đường 10	6.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	

7	Đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt	2,50	CLN	Đức Phong	60.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
8	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, Minh Hưng (giai đoạn 2)	3,00	CLN	Minh Hưng	3.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND	
9	Nâng cấp, mở rộng dường giao thông khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi Đoàn Kết (1km)	1,80	CLN	Đức Phong	2.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
10	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	3,00	CLN	Bình Minh	2.857		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
11	Quy hoạch trường Trần Quốc Toản	0,40	CLN	Đăk Nhau	14.400		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
12	Mở rộng Trường tiểu học Đức Liễu	0,31	CLN	Đức Liễu	7.200		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
13	Quy hoạch mới trường mẫu giáo ngã 3 Đăng Lang	0,25	CLN	Đăk Nhau	10.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
14	Xây dựng mới Trường Tiểu học Kim Đồng	1,50	CLN; ONT (0,15)	Đức Liễu	13.200		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
15	Mở rộng chợ Đường 10 (Chợ Bù Oai)	0,62	CLN	Đường 10	3.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	

16	Quy hoạch chợ Đoàn Kết	0,50	CLN	Đoàn Kết	3.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
17	Mở rộng chợ Thọ Sơn	0,65	CLN	Thọ Sơn	3.000		x		Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện	
18	Bãi rác cụm Thống Nhất, Phước Sơn	1,50	CLN	Thống Nhất	3.000		x		Thông báo số 53/TB-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện Bù Đăng	
19	Bãi rác Đăng Hà	1,50	CLN	Đăng Hà	1.500		x		Thông báo số 53/TB-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện	
II	**Huyện Bù Đốp**	**4,60**								
1	Đường giao thông nông thôn đoạn từ ĐT 759B đi khu dân cư ấp Bù Tam, xã Hưng Phước	1,40	LNC	xã Hưng Phước			x		Công văn 534/UBND-KT ngày 01/4/2022 của UBND huyện	
2	Đường giao thông nông thôn khu dân cư ấp 03, xã Thanh Hòa	1,50	LNC	xã Thanh Hòa			x		Công văn 535/UBND-KT ngày 01/4/2022 của UBND huyện	
3	Đường giao thông tổ 8 ấ Thanh Sơn, TT Thanh Bình	1,00	LNC	TT. Thanh Bình			x		Công văn 576/UBND-KT ngày 04/4/2022 của UBND huyện	
4	Đường giao thông nông thôn khu dân cư tổ 34 ấp Tân Phú, xã Tân Thành	0,70	LNC	Tân Thành			x		Công văn 607/UBND-KT ngày 12/4/2022 của UBND huyện	
III	**Huyện Bù Gia Mập**	**31,89**								

1	Xây dựng Kết cấu hạ tầng TTHC Phước Minh	1,30	ONT + CLN	Phước Minh	2.000		x		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 của HĐND huyện	
2	Xây dựng Kết cấu hạ tầng TTHC Đức Hạnh	0,80	ONT + CLN	Đức Hạnh	1.000		x		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 của HĐND huyện	
3	Xây dựng Đường và cầu từ Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi Thanh Hòa, huyện Bù Đốp.	4,55	ONT + CLN	Bình Thắng	2.000	x			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	
4	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Bình Thắng đi thôn 8, Bình Thắng	3,20	ONT + CLN	Bình Thắng	1.000		x		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐNDhuyện	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.09 (từ ĐT.741 đi Đức Hạnh)	4,35	ONT + CLN	Phú Nghĩa, Đức Hạnh	1.000		x		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐND huyện	
6	Láng nhựa đường GTNT từ nhà nguyện Bù Cà Mau đi Bãi Rác	1,60	ONT + CLN	Phú Nghĩa	2.000		x		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐNDhuyện	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phước Minh	0,14	ONT + CLN	Phước Minh	1.000		x		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐNDhuyện	
8	Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường TT Đăk Ơ	1,90	ONT + CLN	Đăk Ơ	10.000		x		Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐND huyện	
9	Xây dựng Kết cấu hạ tầng TTHC Đăk Ơ	0,75	ONT + CLN	Đăk Ơ	4.000		x		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 20/07/2020 của HĐND huyện	

10	Đường nhựa thôn Bù Tam - Bình Giai Phước Minh	2,00	CLN	Phước Minh	2.000		x		Quyết định số 1624/QĐ-UBND của UBND huyện	
11	Mở rộng trường tiểu học Lê Lợi	0,20	ONT + CLN	Phước Minh	400		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
12	Xây dựng đường bê tông xi măng thôn 9 (từ đường DH11 đi nhà ông Dụ)	0,74	ONT + CLN	Đăk Ơ					Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
13	Xây dựng đường bê tông xi măng thôn 4 (Đăk Ơ M8 từ THCS đến ĐƠ 06	0,30	ONT + CLN	Đăk Ơ					Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
14	XD đường BTXM xuống nhà máy nước sạch thôn Đăk Á	0,18	CLN	Bù Gia Mập					QĐ số 272/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
15	XD đường BTXM thôn Bù Lư	0,15	CLN	Bù Gia Mập					QĐ số 1240/QĐ-UBND ngày 14/07/2021	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ
16	XD đường BTXM thôn Đăk Á	0,03	CLN	Bù Gia Mập					QĐ số 1240/QĐ-UBND ngày 14/07/2021 của UBND	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ
17	Tuyến từ QL 14C đi thôn Bù Nga, Bù Gia Mập (ĐH02, nâng cấp lên ĐT 760B)	3,00	CLN	Bù Gia Mập					Thông báo số 579/TB-UBND ngày 05/10/2021 của UBND	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
18	Tuyến đường Đăk Côn – Bù Rên (BGM25)	1,40	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số 3733a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ

19	Tuyến Đường vòng Sân bay – BGM08	2,40	CQP	Bù Gia Mập					Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
20	Tuyến Đường vào Thác Đăk Mai (mở rộng) – BGM13	1,00	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
21	Tuyến Đường từ Ngã 3 ông Phát đi thôn Đăk Á – BGM12 (mở rộng)	0,50	CLN	Bù Gia Mập					Thông báo số 579/TB-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
22	Tuyến Đường Trung tâm (mở rộng)	0,20	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
23	Tuyến Đường từ ĐH.12 vào Nhà VHCĐ – BGM28	0,10	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
24	Tuyến Đường từ ĐT 760B đi sân thể thao thôn Bù Dốt – BGM26.	0,20	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số: 1801a/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
25	Tuyến Đường GTNT thôn Đăk Côn – BGM31	0,40	CLN	Bù Gia Mập					Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 26/03/2018 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
26	Tuyến Đường GTNT thôn Bù Lư – BGM32	0,50	CLN	Bù Gia Mập					Thông báo số 579/TB-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện	Nông thôn mới, không bồi thường hỗ trợ
IV	**Huyện Đồng Phú**	**1.259,32**								

1	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), Thuận Phú	3,00	CLN và các loại đất khác	Thuận Phú	1.000		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
2	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, Đồng Tâm	0,40	CLN và các loại đất khác	Đồng Tâm	200		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
3	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, Tân Phước	5,00	CLN và các loại đất khác	Tân Phước	500		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
4	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, Tân Hưng	6,20	CLN và các loại đất khác	Tân Hưng	200		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
5	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đôi Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	1,60	CLN và các loại đất khác	Tân Hưng	100		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
6	Nâng cấp đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, Tân Lập (TLA12)	1,50	CLN và các loại đất khác	Thuận Phú	500		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
7	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, Thuận Lợi	2,00	CLN và các loại đất khác	Thuận Phú	200		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
8	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, Tân Hưng	1,20	CLN và các loại đất khác	Tân Hưng	300		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	

9	XD đường từ ĐT.753 ấp suối Da đến ấp 5, Tân Hưng	4,80	CLN và các loại đất khác	Tân Hưng	500		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện	
10	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	49,00	RSX	Tân Hòa				x	Quyết định số 2369/QĐ-BTL ngày 08/10/2018 của Bộ Quốc Phòng, Bộ tư lệnh Quân khu 7	
11	Mở rộng Khu công nghiệp Nam Đồng Phú	480,00	CLN và các loại đất khác	Tân Lập	432.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
12	Mở rộng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	130,00	CLN và các loại đất khác	Thị trấn Tân Phú	117.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
13	Thu hồi đất của Công ty Cao su Đồng Phú giao về cho địa phương quản lý để xây dựng công trình phúc lợi hội	1,81	CLN	Thuận Lợi	1.629			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
14	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài (bổ sung)	19,24	CLN, ONT	TT. Tân Phú, X. Tân Tiến, X. Tân Lập	20.000	x		x	VB 1200/BQLDA-TCKT ngày 25/11/2021 của BQLDA tỉnh	
15	Dự án Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập (bổ sung)	2,09	ONT+CLN + DGT+DTL	Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập	1.000	x			VB 1200/BQLDA-TCKT ngày 25/11/2021 của BQLDA tỉnh góp ý KHSDĐ 2021	
16	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), Thuận Phú	3,00	CLN	X. Thuận Phú	500		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	

17	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, Đồng Tâm	0,40	CLN	X. Đồng Tâm	200		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
18	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, Tân Phước	5,00	CLN	X. Tân Phước	700		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
19	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, Tân Hưng	6,20	CLN	X. Tân Hưng	500		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
20	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đôi Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	1,60	CLN	X. Tân Hưng	200		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
21	Nâng cấp đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, Tân Lập (TLA12)	1,50	CLN	X. Thuận Phú	600		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
22	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, Thuận Lợi	2,00	CLN	X. Thuận Phú	400		x		Nghị Quyết số 57/2021NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện	
23	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 6	0,30	CLN	Tân Lập	270		x		Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
24	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 7	0,30	CLN	Tân Lập	270		x		Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	

25	Xây dựng đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT 755 nối ĐT 753	3,20	RSX	Tân Phước	3.008	x			Quyết định 1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	
26	Nâng cấp đường nhựa nối dài hai đầu đường vành đai từ thị trấn Tân Phú đến giáp ranh xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	0,10	CLN	Tân Phú	250		x		Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 27/6/2017	
27	Khu trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao	520,00	CLN	Tân Lập				x	Công văn số 1283/UBND-TH của UBND tỉnh	
28	Xây dựng tuyến kết nói 753 B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	7,69	RSX	Tân Phước, Đồng Tâm	3.000	x			Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	
29	Diện tích đất dự kiến làm công viên khu tượng đài	0,19	CLN	Thuận Phú	171		x		Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của UBND huyện	
V	**Huyện Hớn Quản**	**124,91**								
1	Chốt chiến đấu DQTT Minh Tâm	2,00	CLN	ấp 4, Minh Tâm	3.000		x		Công văn số 362/BCH-HC ngày 25/3/2022 của BCHQS huyện	
2	Chốt chiến đấu DQTT An Phú	2,00	CLN	ấp An Tân, An Phú	3.000		x		Công văn số 362/BCH-HC ngày 25/3/2022 của BCHQS huyện	

3	Căn cứ Hậu cần-Kỹ thuật	33,70	CLN	ấp 2, Tân Quan	13.400		x		Công văn số 362/BCH-HC ngày 25/3/2022 của BCHQS huyện	
4	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường Trục chính từ Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	11,10	CLN, LUK	Phước An, Tân Quan	41.000		x		Kết luận số 276-KL/HU ngày 10/01/2022 của Huyện ủy	1,8 ha đất LUK
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	10,76	RSX	Minh Đức				x	Công văn số 172/BQLDA-KTTĐ ngày 10/3/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
		25,35	LUK CAN SKC SKS SON	Minh Đức, Minh Tâm				x	Công văn số 172/BQLDA-KTTĐ ngày 10/3/2022 của BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	0,670 ha đất LUK
6	Xây dựng dường Đông Tây 9	2,00	CLN	Khu phố 1, thị trấn Tân Khai	4.300		x		Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND huyện	
7	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, Tân Hưng	3,90	CLN	ấp Hưng Phát, Tân Hưng				x	Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện	Vận động nhân dân không nhận tiền bồi thường
8	Thu hồi bổ sung dự án Trường Tiểu học Phước An B	1,50	CLN	ấp Xa Trạch 2, Phước An	1.200		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long

9	Thu hồi bổ sung dự án Đường điện trung thế tổ 10, ấp Hưng Lập B	0,10	CLN	ấp Hưng Lập B, Tân Hưng	800		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
10	Thu hồi bổ sung dự án Khu dân cư Tân Hưng 2 (Khu dân cư Sóc Quả)	5,50	CLN	ấp Sóc Quả, Tân Hưng	4.950		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
11	Thu hồi bổ sung dự án Khu dân cư Tân Hưng 1	9,50	CLN	ấp Sóc Ruộng, Tân Hưng	8.550		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
12	Khu dân cư Phước An (đất cao su)	8,00	CLN	Phước An	7.200		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
13	Khu dân cư Thanh An (đất cao su)	6,00	CLN	Thanh An	5.400		x		Biên bản ngày 26/02/2021 giữa UBND huyện và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
14	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	3,50	RSX	Đồng Nơ	6.500	x			Quyết định 1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	Công ty Cổ phần sản xuất - xây dựng - thuong mại và Nông nghiệp Hải Vương
VI	**Huyện Lộc Ninh**	**307,66**								

1	Đường vào điểm X16	15,00	RSX	Lộc Tấn	9.000	x			Công văn số 38A/HĐND ngày 08/02/2021 của HĐND tỉnh	
2	Vùng lõi ccHC-BCHQS Lộc Ninh	20,08	CLN	Lộc Thuận	12.048		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
3	Đất nghiệp vụ Ban CHQS Lộc Ninh	0,01	CLN	TT. Lộc Ninh	11		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
4	Nhà máy nước (Ban CHQS Lộc Ninh)	0,02	CLN	TT. Lộc Ninh	21		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
5	Đất c32 cũ	3,83	RSX	Lộc Tấn	689		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
6	Bãi đáp trực thăng	2,00	RSX	Lộc Tấn	360		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
7	Lối mở Lộc Tấn - Tuần Lung	2,00	RSX	Lộc Tấn	360		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	

8	Bia tưởng niệm	0,10	CLN	Lộc An	18		x		Công văn số 753/CSLN-KHĐT ngày 26/07/2021 của Cty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	
9	Hồ Khơ lây	125,00		Lộc Thịnh				x	Công văn số 2447/SNN-KHTC ngày 01/12/2021 của Sở Nông Nghiệp và PTNT	
10	Hồ Mlu 1	92,00		Lộc Tấn				x	Công văn số 2447/SNN-KHTC ngày 01/12/2021 của Sở Nông Nghiệp và PTNT	
11	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	35,23	RSX	Lộc Thịnh, Lộc Thiện, Lộc Tấn		x		x	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	
12	Chốt dân quân biên giới Lộc Thịnh	5,00	RSX	Lộc Thịnh	900		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
13	Chốt dân quân biên giới Lộc Thành	5,00	RSX	Lộc Thành	900		x		Công văn số 3117/BCH-TM ngày 24/11/2021 của Bộ CHQS tỉnh Bình Phước	
14	Nâng cấp, mở rộng QL13 đoạn từ ngã 3 Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	2,39	LUK	Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn	16.000			x	2295/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Bình Phước	

VII	**Huyện Phú Riềng**	**83,03**								
1	Xây dựng mương thoát nước từ hạ lưu cống ngang đường tại nhà bà Vũ Thị Sáng đến khe nước hiện hữu.	0,05	DGT, CLN	Long Hưng, Long Hà, Phú Riềng	0,3		x		Thông báo số 1850/TB-UBND ngày 01/9/2021	
2	Xây dựng đường liên Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	10,68	CLN	Long Bình, Bình Sơn			x		Quyết định 141/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện	
3	Xây dựng đường liên Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	22,90	CLN	Phú Trung, Phước Tân			x		Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 08/03/2022 của UBND huyện	
4	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi Bình Tân, huyện Phú Riềng	20,50	CLN	Bù Nho, Bình Tân, Phước Tân			x		Quyết định 5301/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện	
5	Xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	28,40	CLN+ NTS	Bù Nho	22,0		x		Nghị quyết 202/NQ-HĐND ngày 29/12/2021của HĐND huyện	
6	Đầu tuyến dự án Đường từ Bù Nho đi Phước Tân	0,50	CLN	Phước Tân	2,0		x		Quyết định 1174/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện	
VIII	**Thị xã Phước Long**	**35,08**								
1	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	24,10	Đất CLN, đất ở đô thị, đất ở nông thôn	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	15.000		x		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/04/2022	

2	Nâng cấp đường từ vòng xoay núi Bà Rá lên đồi Bằng Lăng	0,64	RDD	Phường Thác Mơ			x		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/04/2022	
3	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thái	0,44	Đất CLN, đất ở đô thị	Phường Sơn Giang	600		x		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/04/2022	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	9,90	RDD	Phường Thác Mơ, Phường Sơn Giang, Phước Tín			x		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/04/2022	
IX	**Thành phố Đồng Xoài**	**95,81**								
1	Đường quy hoạch số 37	1,98	CLN và các loại đất khác	Tiến Thành			x		Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND thành phố	
2	Đường từ đường Nguyễn Huệ đến TTHC phường Tân Thiện	2,00	ODT, CLN và các loại đất khác	Tân Thiện			x		Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND thị xã (nay là thành phố)	
3	Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng	1,05	CLN và các loại đất khác	Tân Bình			x		Nghị quyết 26/NQ-HĐND tỉnh ngày 26/10/2020 của HĐND tỉnh	
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa-Vũng Tàu	23,40	ODT+ONT+CLN+DGT+DTL và các loại đất khác	Tân Thiện Tân Xuân		x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

5	Khu trồng cây an quả ứng dụng công nghệ cao	59,00	CLN	Tiến Hưng				x	Công văn số 1283/UBND-TH ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh	
6	Công viên khu hành chính tỉnh	3,80	TSC	Tân Phú		x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh	4,58	TSC	Tân Phú		x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
X	**Huyện Chơn Thành**	**484,00**								
1	Khu đất thu hồi để phát triển kinh tế xã hội địa phương	484	CLN	Minh Hưng				x	Công văn số 1283/UBND-TH ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh	
Tổng		**2.505,88**								

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

CQP: Đất Quốc phòng

LUK: Đất lúa khác

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT: Đất ở tại nông thôn

DGT: Đất giao thông

DTL: Đất thủy lợi

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

HNK: Đất trồng cây hành năm khác

TSC: Đất trụ sở cơ quan.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng12 năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA ...., KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2022 của

Ban kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua danh mục bổ sung mới 124 dự án cần thu hồi đất năm 2022 với tổng diện tích 2.505,88 ha và điều chỉnh tên, diện tích 12 danh mục đã được thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

2. Thông qua 15 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 với diện tích 148,07 ha trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không được bổ sung các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh tên, diện tích danh mục, chuyển mục đích sử dụng đất thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và hủy danh mục các dự án cần thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa ..... kỳ họp thứ ..... thông qua ngày..... tháng..... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày.... tháng..... năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTTTT;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.